

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 37/2008/NQ-HĐND

*Rạch Giá, ngày 12 tháng 12 năm 2008*

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc điều chỉnh phí trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG  
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI MỐT**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số 84/TTr-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành phí trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Báo cáo thẩm tra số 80/BC-BKTNS ngày 09 tháng 12 năm 2008 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Hội đồng nhân dân tỉnh tán thành Tờ trình số 84/TTr-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành phí trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, nội dung cụ thể như sau:

1. Mức thu phí trông giữ xe: thực hiện theo biểu mức thu phí trông giữ xe đính kèm Nghị quyết này.

2. Thu nộp, quản lý và sử dụng phí trông giữ xe:

a. Đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính khai thác, sử dụng mặt bằng do đơn vị quản lý để trực tiếp trông giữ xe hoặc thực hiện đấu giá, cho thuê mặt bằng (không trực tiếp trông giữ xe); số phí thu được, được phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%): 10% nộp vào ngân sách nhà nước, phần còn lại (được để lại đơn vị) 90%, coi

như 100% bao gồm bố trí chi hoạt động thường xuyên 70% và chi đầu tư phát triển 30%. Tổ chức cá nhân thực hiện đấu giá, thuê mặt bằng của đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính sử dụng mặt bằng để kinh doanh trông giữ xe phải kê khai, nộp thuế theo đúng quy định.

b. Trường hợp sử dụng các địa điểm công cộng, mặt bằng của tổ chức, cá nhân để làm điểm kinh doanh trông giữ xe:

- Chủ bãi giữ xe: chỉ được hoạt động trông giữ xe tại các địa điểm nêu trên, khi đã được Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố cấp giấy phép hoạt động bến bãi và phải khai thuế, nộp thuế theo đúng quy định hiện hành;

- Tổ chức, cá nhân, cơ quan hoặc người được ủy quyền thu phí trông giữ xe phải niêm yết và công khai mức thu tại địa điểm trực tiếp thu phí;

- Việc quản lý, sử dụng và quyết toán thực hiện đúng quy định hiện hành.

3. Bãi bỏ khoản 6 Điều 1 Nghị quyết số 49/2005/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2005 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về sửa đổi, bổ sung 6 loại phí đã ban hành: phí thư viện; phí chợ; phí tham quan danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử; phí xây dựng; phí bến bãi; phí trông giữ xe.

**Điều 2.** Thời gian thực hiện: sau 10 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

### **Điều 3.** Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, triển khai các cấp, các ngành, các địa phương thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát chặt chẽ việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa VII, kỳ họp thứ hai mươi một thông qua./.

**CHỦ TỊCH**

**Trương Quốc Tuấn**

**BIỂU MỨC THU PHÍ TRÔNG GIỮ XE TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG**  
(Kèm theo Nghị quyết số 39/2008/NQ-HĐND ngày 12/12/2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Số TT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Thông tư 97/2006/TT-BTC	Nghị quyết HĐND	Phụ ghi
1	2	3	4	5	6
I	Thông tư 97/2006/TT-BTC				
1	- Xe đạp.	Đồng/lượt ban ngày	1.000		
2	- Xe đạp.	Đồng/lượt ban đêm	2.000		
3	- Xe máy.	Đồng/lượt ban ngày	2.000		
4	- Xe máy.	Đồng/lượt ban đêm	4.000		
5	- Ô tô.	Đồng/lượt ban ngày	10.000		
6	- Ô tô.	Đồng/lượt ban đêm	20.000		
7	Mức thu phí theo tháng tối đa không quá 50 lần mức thu phí ban ngày.				
II	Quyết định 42/2005/QĐ-UBND và mức Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân				
A	Tại bệnh viện, trường học, ký túc xá sinh viên, học sinh				
1	- Xe đạp.	Đồng/lượt ban ngày		500	
2	- Xe đạp.	Đồng/lượt ban đêm		1.000	
3	- Xe mô tô, xe ba bánh.	Đồng/lượt ban ngày		1.000	

Số TT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Thông tư 97/2006/TT-BTC	Nghị quyết HĐND	Phụ ghi
1	2	3	4	5	6
4	- Xe mô tô, xe ba bánh.	Đồng/lượt ban đêm		2.000	
5	- Ô tô từ 15 chỗ ngồi trở xuống và xe tải từ 3 tấn trở xuống.	Đồng/lượt ban ngày		8.000	
6	- Ô tô từ 15 chỗ ngồi trở xuống và xe tải từ 3 tấn trở xuống.	Đồng/lượt ban đêm		16.000	
7	- Ô tô trên 15 chỗ ngồi và xe tải trên 3 tấn.	Đồng/lượt ban ngày		10.000	
8	- Ô tô trên 15 chỗ ngồi và xe tải trên 3 tấn.	Đồng/lượt ban đêm		20.000	
B	Tại các nơi khác (không bao gồm: bệnh viện, trường học, ký túc xá)				
1	- Xe đạp.	Đồng/lượt ban ngày		1.000	
2	- Xe đạp.	Đồng/lượt ban đêm		2.000	
3	- Xe mô tô, xe ba bánh.	Đồng/lượt ban ngày		2.000	
4	- Xe mô tô, xe ba bánh.	Đồng/lượt ban đêm		4.000	
5	- Ô tô từ 15 chỗ ngồi trở xuống và xe tải từ 3 tấn trở xuống.	Đồng/lượt ban ngày		10.000	
6	- Ô tô từ 15 chỗ ngồi trở xuống và xe tải từ 3 tấn trở xuống.	Đồng/lượt ban đêm		20.000	
7	- Ô tô trên 15 chỗ ngồi và xe tải trên 3 tấn.	Đồng/lượt ban ngày		10.000	
8	- Ô tô trên 15 chỗ ngồi và xe tải trên 3 tấn.	Đồng/lượt ban đêm		20.000	
	- Mức thu phí trông giữ xe đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.				
	- Mức thu phí lượt ban đêm áp dụng từ 22 giờ đến 5 giờ sáng.				
	- Mức thu xe đạp điện thực hiện bằng mức thu đối với xe đạp; mức thu xe mô tô điện thực hiện bằng mức thu đối với xe mô tô.				